TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2026/HS-ST
Ngày: 16-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Chiến

2. Ông Vũ Văn Võ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2026/TLST-HS, ngày 09 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn H, sinh ngày 05/10/1967 tại xã H, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu H, xã H, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo; Không; Đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn N và bà Kim Thị H1 (đều đã chết); Vợ là Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1972 và 01 con sinh năm 2013.

Tiền án: 02 (Hai)

Bản án HSST số 73 ngày 28/5/1993, Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phú xử phạt H tù chung thân về tội Cướp tài sản của công dân, 02 năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản của công dân, 03 năm tù về tội Trốn khỏi nơi giam. Tổng hợp hình phạt này buộc H phải chấp hành hình phạt chung cho cả 3 tội là tù Chung thân. Tổng hợp hình phạt này với phần chưa chấp hành của bản án số 31 ngày 24/4/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phú xử phạt H về tội Trộm cắp tài sản của công dân là 02 năm 11 tháng 16 ngày tù, buộc H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là tù Chung thân. H kháng cáo. Bản án HSPT số 1288 ngày 18/9/1993, Tòa án nhân dân tối cao xử H y án sơ thẩm. H được giảm án 03 lần, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/5/2011, chấp hành xong các khoản án phí, bồi thường vào năm 2015.

Bản án HSST số 07 ngày 27/4/2023, Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xử phạt H 06 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ, được trừ 06

ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 05 tháng 24 ngày tù. Buộc nộp án phí HSST 200.000đ. Bản án bị kháng nghị. Bản án HSPT số 37 ngày 17/7/2023, Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử H y án sơ thẩm. H đã chấp hành xong án phí vào tháng 8/2023 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2024.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: 07 (Bẩy)

Bản án HSST số 01 ngày 04/01/1985, Toà án nhân dân huyện Thanh Hoà, tỉnh Vĩnh Phú xử phạt H 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Cố ý gây thương tích. Chấp hành xong toàn bộ bản án, đã được xóa án tích.

Bản án HSST số 18 ngày 16/8/1986, Toà án nhân dân huyện Thanh Hòa, tỉnh Vĩnh Phú xử phạt H 18 tháng tù giam về tội Cố ý gây thương tích, cộng 06 tháng tù của bản án cũ số 01 ngày 04/01/1985 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hòa, tỉnh Vĩnh Phú. Tổng là 24 tháng tù giam. H kháng cáo. Bản án HSPT số 92 ngày 14/11/1986 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phú xử phạt H 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, tổng hợp hình phạt này với một phần hình phạt của bản án số 01 ngày 04/01/1985 là 06 tháng tù. Hình phạt chung cho cả hai bản án là 18 tháng tù. Chấp hành xong toàn bộ bản án, đã được xóa án tích.

Năm 1990, Hậu bị Công an thành phố V phạt Cảnh cáo về hành vi Cưỡng đoạt tài sản công dân.

Bản án HSST số 31 ngày 24/4/1991, Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phú xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản công dân, tài sản trộm cắp dưới 500.000 đồng. Đương nhiên được xóa án tích.

Ngày 07/10/2014, Công an xã Á, huyện H, tỉnh Phú Thọ xử phạt H 750.000đ về hành vi vi phạm an ninh trật tự, đã nộp ngày 08/9/2015.

Bản án HSST số 01 ngày 30/12/2015, Toà án nhân huyện H, tỉnh Phú Thọ xử phạt 36 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản, buộc nộp án phí 200.000đ. H đã chấp hành xong toàn bộ bản án vào ngày 24/3/2018.

Ngày 28/02/2023, Công an huyện H xử phạt 10.500.000đ về hành vi Cố ý gây thương tích và Cố ý làm hư hỏng tài sản. H đã chấp hành xong ngày 10/3/2023.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại xã H, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang tại ngoại. (*Có mặt)*.

2. Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 02/12/1969 tại xã H, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu H, xã H, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo; Không; Đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L1 (đều đã chết); Chồng: Không có và có 01 con sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 25/9/2025 đến ngày 05/10/2025, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại xã H, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang tại ngoại. *Có mặt.*

3. Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 21/02/1977 tại xã H, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKHKTT: Số nhà A, tháp B, tòa chung cư R, phường Đ, thành phố Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Số H, ngõ A V, tổ dân phố số G, phường Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo; Không; Đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Anh Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1938; Chồng là Lai Ngọc S, sinh năm 1978 (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/10/2025 đến ngày 31/12/2025, thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại phường Đ, thành phố Hà Nội. Hiện đang tại ngoại. *Có mặt.*

4. Nguyễn Thị P, sinh ngày 18/7/1976 tại xã H, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu D, xã H, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo; Không; Đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1951; Chồng là Nguyễn Văn H4, sinh năm 1973 và có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ đã chết; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 25/9/2025 đến ngày 05/10/2025, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại xã H, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang tại ngoại. *Có mặt.*

5. Trần Thị Minh L2, sinh ngày 18/8/1971 tại xã Đ, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo; Không; Đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức L3, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị Hoa L4, sinh năm 1946; Chồng là Nguyễn Tiến D, sinh năm 1969 (đã ly hôn) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 25/9/2025 đến ngày 05/10/2025, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại xã H, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang tại ngoại. *Có mặt.*

6. Nguyễn Thị Hồng T2, sinh ngày 24/07/1978 tại xã H, tỉnh Phú Thọ; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu E, xã H, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo; Không; Đảng phái: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu T3 (đã chết) và bà Phạm Thị Hải Y, sinh năm 1957; Chồng là Bùi Quế D1, sinh năm 1977 và có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại xã H, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang tại ngoại. *Có mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Dương Thị Y1, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Khu H, xã H, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Hoàng A, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Khu C, xã H, tỉnh Phú Thọ.

+ Ông Trần Văn T4, sinh năm 1967

Nơi cư trú: Khu D, xã H, tỉnh Phú Thọ.

+ Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Khu H, xã H, tỉnh Phú Thọ.

+ Ông Phùng Ngọc C, sinh năm 1956

Nơi cư trú: Khu A, xã Y, tỉnh Phú Thọ.

+ Ông Lê Doanh H5, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ.

+ Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Khu D, xã H, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Lê Đức Đ1, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu G, xã H, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Hứa Văn T5, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Khu H, xã H, tỉnh Phú Thọ.

+ Anh Nguyễn Anh T6, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Khu I, xã H, tỉnh Phú Thọ.

(*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim T1 sinh năm 1977 ở phường Đ, thành phố Hà Nội và Nguyễn Thị Ngọc L sinh năm 1969 ở khu H, xã H có quan hệ là chị em họ. Qua một lần trò chuyện, biết L có ý định mua số lô, số đề nên T1 đã nảy sinh ý định bán số lô, số đề để kiếm lời và nói với L, nếu L có nhu cầu mua số lô, số đề thì cứ nhắn tin qua Zalo cho T1. L đồng ý. thống nhất hình thức mua, bán số lô, số đề với L như sau:

Số lô, số đề là các số tự nhiên có 02 chữ số từ 00 đến 99, do người chơi tự chọn. Căn cứ để xác định đánh bạc thắng hay thua dựa vào kết quả xổ số kiến thiết Miền B mở thưởng hàng ngày vào lúc 19 giờ. Người chơi trúng số đề nếu mua trùng với 02 số cuối cùng của giải đặc biệt và được trả gấp 70 lần, (tức 1.000đ được 70.000đ). Người chơi trúng số lô nếu mua trùng với 02 số cuối cùng của tất cả các giải từ giải nhất đến giải đặc biệt và được trả 80.000đ/1 điểm lô. Về giá điểm lô, đề, do T1 tự giữ lại để thanh toán, không chuyển cho ai, đồng thời cũng muốn khích lệ L mua thêm nhiều số lô, số đề nên T1 báo giá với L là 21.800đ/ điểm lô, đối với số đề khi thanh toán, L cũng chỉ cần trả cho T1 73% tiền số đề. Sau khi có kết quả sổ xố, nếu L trúng số lô, số đề, T1 sẽ trả tiền cho L theo thoả thuận.

Sau khi thoả thuận với T1 như trên, L nhận thấy, có thể kiếm lời từ việc bán số lô, số đề nên cũng nảy sinh ý định bán số lô, đề. L nói chuyện với 05 người cùng ở xã H là Trần Thị Minh L2 sinh năm 1971 ở khu C, Nguyễn Thị P sinh năm 1976 ở khu D, Trần Văn H sinh năm 1967 ở khu H, Nguyễn Thị Hồng T2 sinh năm 1978

ở khu 5 và Nguyễn Anh T6 sinh năm 1975 ở khu 9, bảo những người này nếu có nhu cầu mua số lô, đề thì liên lạc với L. Về hình thức chơi, L vẫn thoả thuận với những người chơi như trên, tuy nhiên, do có mối quan hệ thân quen với L2 và P đồng thời cũng muốn khích lệ L2 và P mua nhiều số lô, số đề cho mình nên L báo giá với 02 người này 22.000đ/ điểm lô và chỉ lấy 74% tổng số tiền đề, những người còn lại, L vẫn báo giá 23.000đ/ điểm lô và phải trả cho L 100% tiền số đề.

Thấy có thể được hưởng chênh lệch từ việc mua số lô, đề của L như trên, L2 và P cũng nảy sinh ý định bán số lô, số đề để kiếm lời. Cả hai thoả thuận với những người mua có nhu cầu hình thức bán số lô, số đề như trên, giá 23.000đ/ điểm lô và không có chiết khấu tiền số đề.

Trong ngày 25/9/2025, tại nơi ở của mình, qua bán trực tiếp và qua nhắn tin, gọi điện trên điện thoại di động, các đối tượng đã thực hiện hành vi mua, bán số lô, số đề, cụ thể như sau:

1. Trần Thị Minh L2: trực tiếp và qua nhắn tin đến số thuê bao 0365039682 lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus của L2 bán cho 07 người gồm:

- Nguyễn Thị P1 sinh năm 1969 ở khu H, xã H (qua gọi điện thoại) 01 số đề = 20.000đ và 35 điểm lô = 805.000đ. Tổng số tiền L2 bán số lô, số đề cho P1 là 825.000đ, P1 chưa thanh toán cho L2.

- Lê Doanh H5 sinh năm 1962 ở khu G, xã H (qua tin nhắn SMS) 39 số đề = 620.000đ và 20 điểm lô= 460.000đ. Tổng số tiền L2 bán số lô, số đề cho H5 là 1.080.000đ, H5 chưa thanh toán cho L2.

- Lê Đức Đ1 sinh năm 1974 ở khu G, xã H (qua tin nhắn SMS) 50 số đề = 1.210.000đ và 40 điểm lô = 920.000đ. Tổng số tiền L2 bán số lô, số đề cho Đ1 là 2.130.000đ, Đ1 chưa thanh toán cho L2.

- Hứa Văn T5 sinh năm 1982 ở khu H, xã H, (qua tin nhắn SMS) 50 số đề = 800.000đ. T5 đã trả cho L2 số tiền 700.000đ, còn nợ lại 100.000đ.

- Dương Thị Y1 sinh năm 1968 ở khu H, xã H, (qua tin nhắn SMS) 50 số đề = 700.000đ. Số tiền này, Y1 chưa thanh toán cho L2.

- Nguyễn Thị Thanh X sinh năm 1961 ở khu C, xã H, (bán trực tiếp) 06 số đề = 60.000đ, 05 điểm lô = 115.000đ. Tổng số tiền L2 bán số lô, số đề cho X là 175.000đ, X đã thanh toán cho L2.

- Phùng Ngọc C sinh năm 1956 ở khu A, xã Y, tỉnh Phú Thọ (bán trực tiếp) 36 số đề = 1.000.000đ. Chân đã thanh toán cho L2 400.000đ, 600.000đ còn lại, C vẫn chưa thanh toán cho L2.

Như vậy, trong ngày 25/9/2025, L2 đã bán số lô, số đề cho 07 người với tổng số tiền là 6.710.000đ, trong đó có 232 số đề = 4.410.000đ và 100 điểm lô = 2.300.000đ. Sau đó, L2 tự giữ lại để tính thắng thua đối với 21 số đề = 350.000đ, số còn lại, L2 sử dụng số thuê bao 0365039682 lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus của L2 gọi đến số thuê bao 0375853798 lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Nanomac của L, mua của L 6.260.000đ tiền số lô, số đề gồm 211 số đề = 4.060.000đ và 100 điểm lô = 2.200.000đ. Như vậy, tổng số tiền mà L2 đã mua, bán số lô, số đề là 6.710.000đ, trong đó, số tiền L2 mua số lô, số đề của L là 6.260.000đ, số tiền này, L2 chưa thanh toán cho L.

Khi L2 vừa mua các số lô, đề của L xong thì bị Công an xã H phát hiện, kiểm tra, lập biên bản. Quá trình làm việc, L2 thừa nhận hành vi của mình như đã nêu trên, tự nguyện giao nộp 01 mảnh giấy loại bìa vỏ cây thuốc lá trên ghi các số lô, đề mà L2 đã bán cho P1, H5, T5, X, C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus lắp sim số 0365039682 mà L2 sử dụng mua bán số lô, số đề cùng số tiền 1.275.000đ L2 có được do bán số lô, số đề cho T5, X và C.

2. Nguyễn Thị P: trực tiếp và qua nhắn tin đến tài khoản Zalo tên "Khoảng Lăng" đăng ký bằng số thuê bao 0968183935 lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S của P bán cho 05 người gồm:

- Nguyễn Thị Y2 sinh năm 1975 ở khu C, xã H (qua tin nhắn Zalo) 11 số đề = 240.000đ. Số tiền này, Y2 đã thanh toán cho P.

- Trần Văn T4 sinh năm 1967 ở khu D, xã H (qua tin nhắn SMS) 02 số đề = 60.000đ. Số tiền này T4 chưa thanh toán cho P.

- Bán cho Nguyễn Thị H6 sinh năm 1966 ở khu D, xã H (bán trực tiếp) 51 số đề = 2.450.000đ. Số tiền này, H6 chưa thanh toán cho P.

- Nguyễn Xuân T7 sinh năm 1965 ở khu E, xã H (bán trực tiếp) 02 số đề = 250.000đ và 10 điểm lô = 230.000đ. Tổng số tiền P bán lô, đề cho T7 là 480.000đ, T7 đã thanh toán cho P.

- Hoàng A sinh năm 1974 ở khu C, xã H (qua tin nhắn Z) 16 số đề = 800.000đ và 20 điểm lô = 460.000đ. Tổng số tiền P bán số lô, đề cho Anh là 1.260.000đ, Anh chưa thanh toán cho P.

Như vậy, trong ngày 25/9/2025, P đã bán số lô, số đề cho 05 người với tổng số tiền là 4.490.000đ, trong đó có 82 số đề = 3.800.000đ, 30 điểm lô = 690.000đ. Sau đó, P sử dụng tài khoản Zalo của P như trên, nhắn tin đến tài khoản Zalo tên "Dậu" đăng ký bằng số thuê bao 0382216444 lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 của L, mua của L 82 số đề = 3.800.000đ, 30 điểm lô = 660.000đ, đồng thời P cũng tự chọn và mua của L 9.560.000đ tiền số lô, số đề gồm 90 số đề = 6.260.000đ, 150 điểm lô = 3.300.000đ. Như vậy, tổng số tiền P mua, bán số lô, đề là 14.050.000đ, trong đó, số tiền lô, đề đã mua của L là 14.020.000đ, số tiền này, P chưa thanh toán cho L.

Khi P vừa mua các số lô, số đề của L xong thì bị Công an xã H phát hiện, kiểm tra, lập biên bản. Quá trình làm việc P thừa nhận hành vi của mình như đã nêu trên, tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A3S lắp sim 0968183935 mà P đã sử dụng để mua bán số lô, số đề cùng tổng số tiền 10.280.000đ P có được do bán số lô, số đề cho Y2, T7 cũng như tự mua số lô, đề của L.

3. Nguyễn Thị Ngọc L: trực tiếp và qua gọi điện thoại đến số thuê bao 0375853798 lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Oppo N2 và nhắn tin đến tài khoản Zalo tên "Dậu" đăng ký bằng số thuê bao 0382216444 lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 của L bán cho 05 người gồm:

- Trần Thị Minh L2 211 số đề = 4.060.000đ và 100 điểm lô = 2.200.000đ như đã nêu trên. Tổng số tiền L bán lô, đề cho L2 là 6.260.000đ, L2 chưa thanh toán cho L.

- Nguyễn Thị P 172 số đề = 10.060.000đ và 180 điểm lô = 3.960.000đ như đã nêu trên. Tổng số tiền L bán số lô, số đề cho P là 14.020.000đ, P chưa thanh toán cho L.

- Nguyễn Anh T6 (qua tin nhắn Zalo) 08 số đề = 240.000đ và 90 điểm lô = 2.070.000đ. Tổng số tiền L bán số lô, số đề cho T6 là 2.310.000đ, T6 chưa thanh toán cho L.

- Bán cho Trần Văn H: H sử dụng tài khoản Zalo tên "Hoàng T8" cài đặt trên điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus không lắp sim của H nhắn tin đến tài khoản Zalo của L như trên, mua 08 số đề = 800.000đ và 219 điểm lô = 5.037.000đ. Tổng số tiền L bán số lô, đề cho H là 5.837.000đ, H chưa thanh toán cho L.

- Bán cho Nguyễn Thị Hồng T2: Tĩnh sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16 lắp sim số 0383855281 của T2 gọi đến số thuê bao 0375853798 của L mua của L 250 điểm lô = 5.750.000đ, số tiền này, Tĩnh chưa thanh toán cho L.

Như vậy, trong ngày 25/9/2025, L đã bán số lô, số đề cho 05 người với số tiền là 34.177.000đ, trong đó có 399 số đề = 15.160.000đ và 839 điểm lô = 19.017.000đ. Sau đó, L đã tập hợp toàn bộ số lô, đề mà L2, H, T2, T6 đã mua của L trước đó, sử dụng tài khoản zalo tên "Dậu" như trên nhắn tin đến tài khoản Zalo tên "Lai Anh N3" cài đặt trên điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 9 của T1 và mua của T1 19.466.200đ tiền lô, đề gồm 227 số đề = 5.100.000đ, 659 điểm lô = 14.366.200đ. Ngoài ra, L cũng nhắn tin cho T1, tự mua của T1 9.122.000 tiền số lô, số đề gồm 298 số đề = 4.980.000đ và 190 điểm lô = 4.142.000đ. Như vậy, tổng số tiền L đã mua, bán số lô, số đề là 43.299.000đ, trong đó, số tiền lô, đề mà L đã mua của T1 là 28.588.200đ.

Khi L mới mua số lô, số đề của T1 như trên, chưa kịp nhắn tin cho T1 để hỏi mua các số lô, đề mà P đã mua của L trước đó thì bị Công an xã H phát hiện, kiểm tra và lập biên bản. Quá trình làm việc, L thừa nhận hành vi của mình như đã nêu trên, tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 lắp sim số 0382216444 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Nanomac lắp sim số 0375853798 mà L đã sử dụng để mua bán số lô, số đề. Ngoài ra, L cũng tự nguyện nộp lại số tiền L tự mua số lô, đề của T1 là 9.122.000đ.

4. Nguyễn Thị Kim T1:

Căn cứ lời khai cũng như kết quả kiểm tra điện thoại của L, Cơ quan điều tra đã triệu tập T1 đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, T1 thừa nhận đã bán 525 số đề = 10.080.000đ và 849 điểm lô = 18.508.200đ với tổng số tiền là 28.588.200đ cho L như đã nêu trên, đồng thời tự nguyện giao nộp 02 chiếc điện thoại di động mà T1 đang sử dụng gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 9 lắp sim số 0973700739 mà T1 sử dụng mua bán số lô, số đề và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 lắp sim số 0986647977.

Cơ quan điều tra cũng triệu tập các đối tượng đã mua số lô, số đề của L2, P và L đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng đều thừa nhận hành vi mua số lô, số đề như trên đồng thời tự nguyện giao nộp số tiền đánh bạc chưa thanh toán cũng như điện thoại di động sử dụng vào việc đánh bạc, trong đó: Tĩnh giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A16 lắp sim số 0383855281 và số tiền

5.750.000đ; Nguyễn Anh T6 giao nộp 2.310.000đ; Dương Thị Y1 giao nộp 700.000đ; Hoàng A giao nộp 1.260.000đ; Trần Văn T4 giao nộp 60.000đ; Nguyễn Thị P1 giao nộp 825.000đ; Lê Danh H7 giao nộp 1.080.000đ; Nguyễn Thị H6 giao nộp 2.450.000đ; Lê Đức Đ1 giao nộp 2.130.00đ; Hứa Văn T5 giao nộp 100.000đ; Phùng Ngọc C giao nộp 600.000đ.

Riêng H giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus không lắp sim, chưa giao nộp được số tiền đánh bạc. Những chiếc điện thoại khác mà các đối tượng sử dụng liên lạc mua bán số lô, số đề, có đối tượng làm mất, có đối tượng đã vứt bỏ nên không thu giữ được. Hành vi vi phạm của các đối tượng bị phát hiện trước thời điểm có kết quả mở thưởng nên không xem xét đến số tiền thắng thua.

Xét thấy hành vi đánh bạc dưới hình thức mua, bán số lô, số đề của L2, P, L, T1, T2, H đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với cả 06 đối tượng trên về tội Đánh bạc theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự đồng thời tiến hành điều tra làm rõ nội dung vụ án như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKSKV5 ngày 29/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ kết luận:

Trong ngày 25/9/2025, tại xã H, tỉnh Phú Thọ, các bị cáo Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Hồng T2, Trần Văn H đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua, bán số lô, số đề để kiếm lời. Cụ thể:

- Bị cáo Trần Thị Minh L2 bán số lô, số đề cho 07 người là Nguyễn Thị P1, Lê Doanh H5, Lê Đức Đ1, Hứa Văn T5, Dương Thị Y1, Nguyễn Thị Thanh X, Phùng Ngọc C với tổng số tiền là 6.710.000đ; mua số lô, số đề của Nguyễn Thị Ngọc L với tổng số tiền là 6.260.000đ. Tổng số tiền L2 sử dụng vào việc đánh bạc là 12.970.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Thị P bán số lô, đề cho 05 người là Nguyễn Thị Y2, Trần Văn T4, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Xuân T7, Hoàng A với tổng số tiền là 4.490.000đ; mua số lô, số đề của Nguyễn Thị Ngọc L với tổng số tiền là 14.020.000đ. Tổng số tiền P sử dụng vào việc đánh bạc là 18.510.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L bán số lô, đề cho 05 người là Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị P, Trần Văn H, Nguyễn Thị Hồng T2, Lê Anh T9 với tổng số tiền là 34.177.000đ; mua số lô, số đề của Nguyễn Thị Kim T1 với tổng số tiền là 28.588.200đ. Tổng số tiền L sử dụng vào việc đánh bạc là 62.765.200đ.

Bị cáo Trần Văn H mua số lô, đề của Nguyễn Thị Ngọc L với số tiền là 5.837.000đ.

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2 mua số lô, đề của Nguyễn Thị Ngọc L với số tiền là 5.750.000đ.

Cũng vào ngày 25/9/2025, tại nơi ở của mình ở phường Đ, thành phố Hà Nội, bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 đã có hành vi bán số lô, số đề cho Nguyễn Thị Ngọc L với tổng số tiền là 28.588.200đ.

Đối với Trần Văn H đánh bạc trên 5.000.000đ nhưng tại thời điểm phạm tội, H có 02 tiền án, chưa được xoá án tích (bản án năm 1993 với hình phạt chung thân, năm 2011 chấp hành xong hình phạt chính, 2015 chấp hành xong án phí và bồi

thường; Bản án năm 2015 bị xử phạt 36 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản, chấp hành xong toàn bộ bản án 24/3/2018; bản án số 37 ngày 17/7/2023 xử phạt 6 tháng tù, đã chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 28/01/2024, bản án này xác định bản án năm 1993 là tiền án) nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Hành vi của H đã cấu thành tội Đánh bạc quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội: "Đánh bạc" quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L về tội "Đánh bạc" quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 về tội "Đánh bạc" quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 về tội danh, điều, khoản; Viện kiểm sát thay đổi quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L, tại phiên tòa đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L về tội: "Đánh bạc" quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự đồng thời thay đổi truy tố các bị cáo L2, P, L với số tiền đánh bạc đối như sau:

- Bị cáo Trần Thị Minh L2 bán số lô, số đề cho 07 người là Nguyễn Thị P1, Lê Doanh H5, Lê Đức Đ1, Hứa Văn T5, Dương Thị Y1, Nguyễn Thị Thanh X, Phùng Ngọc C với tổng số tiền là 6.710.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Thị P tự mua số lô, số đề của Nguyễn Thị Ngọc L cũng như bán số lô, đề cho 05 người là Nguyễn Thị Y2, Trần Văn T4, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Xuân T7, Hoàng A với tổng số tiền là 14.050.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L tự mua số lô, đề cũng như bán số lô, đề cho 05 người là Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị P, Trần Văn H, Nguyễn Thị Kim T10, Lê Anh T9 với tổng số tiền là 43.299.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố, đối với số tiền đánh bạc của bị cáo Trần Văn H là 5.837.000đ; Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2 là 5.750.000đ; Bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 là 28.588.200đ.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

**Về trách nhiệm hình sự*: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn H.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L từ 24 (Hai mươi bốn) tháng tù đến 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 (Bốn mươi tám) tháng đến 60 (Sáu mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L cho UBND xã H, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 từ 18 (Mười tám) tháng tù đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù đến 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 cho UBND phường Đ, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Đ, thành phố Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị P.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị Minh L2.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, mỗi bị cáo từ 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho các bị cáo 09 (Chín) ngày tạm giữ (từ ngày 25/9/2025 đến ngày 05/10/2025), quy đổi bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Các bị cáo còn phải chấp hành từ 14 (Mười bốn) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ đến 17 (Mười bảy) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2 từ 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh P nhận được quyết định thi hành án.

Giao các các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 cho UBND xã H, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Các bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2.

**Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 37.942.000 đồng (Ba mươi bẩy triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng) các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO NANOMAC, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thị P;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note9, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thị Kim T1;

+ 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, màu hồng đã qua sử dụng của bị cáo Trần Thị Minh L2;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S Plus, đã qua sử dụng của bị cáo Trần Văn H.

Do các bị cáo đều sử dụng điện thoại trên để thực hiện hành vi đánh bạc.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 11, đã qua sử dụng, kèm sim 0986647977.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền đánh bạc của bị cáo Trần Văn H là: 5.837.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy các thẻ sim gồm: sim số 0365039682 của bị cáo Trần Thị Minh L2; sim 0968183935 của Nguyễn Thị P; sim số 0382216444 và 0375853798 của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L; sim số 0973700739 của bị cáo Nguyễn Thị Kim T1, sim số 0383855281 của Nguyễn Thị Hồng T2.

**Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Kim T1,

Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận gì, thừa nhận và ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Các quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Trong ngày 25/9/2025, tại xã H, tỉnh Phú Thọ, các bị cáo Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Hồng T2, Đặng Văn H8 đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức mua, bán số lô, số đề để kiếm lời. Cụ thể:

- Bị cáo Trần Thị Minh L2 bán số lô, số đề cho 07 người là Nguyễn Thị P1, Lê Doanh H5, Lê Đức Đ1, Hứa Văn T5, Dương Thị Y1, Nguyễn Thị Thanh X, Phùng Ngọc C với tổng số tiền là 6.710.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị P tự mua số lô, số đề của Nguyễn Thị Ngọc L cũng như bán số lô, đề cho 05 người là Nguyễn Thị Y2, Trần Văn T4, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Xuân T7, Hoàng A với tổng số tiền là 14.050.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L tự mua số lô, đề cũng như bán số lô, đề cho 05 người là Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị P, Trần Văn H, Nguyễn Thị Kim T10, Lê Anh T9 với tổng số tiền là 43.299.000 đồng.

- Bị cáo Trần Văn H mua số lô, đề của Nguyễn Thị Ngọc L với số tiền là 5.837.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2 mua số lô, đề của Nguyễn Thị Ngọc L với số tiền là 5.750.000 đồng.

Cũng vào ngày 25/9/2025, tại nơi ở của mình ở phường Đ, thành phố Hà Nội, bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 đã có hành vi bán số lô, số đề cho Nguyễn Thị Ngọc L với tổng số tiền là 28.588.200 đồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, các bị cáo nhận thức được hành vi thực hiện là vi phạm pháp luật nên các bị cáo không tranh luận và bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn H phạm tội: "Đánh bạc" quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh

L2, Nguyễn Thị Hồng T2 phạm tội "Đánh bạc" quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ đã truy tố tại phiên tòa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Khoản 1 và điểm d Khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

d) Tái phạm nguy hiểm...".

[4]. Về tính chất của hành vi phạm tội: Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn. Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn H thuộc trường hợp nghiêm trọng đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với tính chất và mức độ của hành vi do các bị cáo gây ra nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo đồng thời cũng nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. Về nhân thân:

Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Trần Văn H có nhân thân xấu: 07 lần bị xét xử và xử phạt vi phạm hành chính, không có tiền sự; H có 02 tiền án: Bản án HSST số 73 ngày 28/5/1993, Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phú xử phạt H tù chung thân về tội Cướp tài sản của công dân, 02 năm tù về tội Cưỡng đoạt tài sản của công dân, 03 năm tù về tội Trốn khỏi nơi giam. Tổng hợp hình phạt này buộc H phải chấp hành hình phạt chung cho cả 3 tội là tù Chung thân. Tổng hợp hình phạt này với phần chưa chấp hành của bản án số 31 ngày 24/4/1991 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phú xử phạt H về tội Trộm cắp tài sản của công dân là 02 năm 11 tháng 16 ngày tù, buộc H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là tù Chung thân. H kháng cáo. Bản án HSPT số 1288 ngày 18/9/1993, Tòa án nhân dân tối cao xử H y án sơ thẩm. H được giảm án 03 lần, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/5/2011, chấp hành xong các khoản án phí, bồi thường vào năm 2015; Bản án HSST số 07 ngày 27/4/2023, Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xử phạt H 06 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ, được trừ 06 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 05 tháng 24 ngày tù. Buộc nộp án phí HSST 200.000đ. Bản án bị kháng nghị. Bản án HSPT số 37 ngày

17/7/2023, Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử H y án sơ thẩm. H đã chấp hành xong án phí vào tháng 8/2023 và chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2024.

[6]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Trần Văn H đánh bạc trên 5.000.000 đồng nhưng tại thời điểm phạm tội, H có 02 tiền án, chưa được xoá án tích nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Qúa trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị P có bố đẻ là ông Nguyễn Văn T có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng Huy chương hạng nhất nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Trần Văn H. Xét thấy bị cáo đã từng bị xét xử và xử phạt hành chính nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi ngoài xã hội mới đủ răn đe, giáo dục bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo H từ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù đến 42 (Bốn mươi hai) tháng tù là phù hợp nên cần chấp nhận.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Kim T1, trên cơ sở phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm và tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục và ấn định thời gian thử thách cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo L sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn bị cáo T1, bản thân bị cáo không chỉ bán số lô, số đề cho người khác mà còn tự mua số lô, đề nên khi quyết định hình phạt, bị cáo L phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo T1 là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L từ 24 (Hai mươi bốn) tháng tù đến 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 (Bốn mươi tám) tháng đến 60 (Sáu mươi) tháng và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 từ 18 (Mười tám) tháng tù đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù đến 48 (Bốn mươi tám) tháng là phù hợp nên cần chấp nhận.

Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 trên cơ sở phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm và tạo điều

kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo P sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn bị cáo L2 và T2, không chỉ bán số lô, đề cho người khác mà còn tự mua các số lô, số đề; bị cáo L2 sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn bị cáo T2 nên khi quyết định hình phạt, bị cáo P phải chịu hình phạt cao hơn với bị cáo L2 và T2; bị cáo L2 phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo T2 là phù hợp. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, mỗi bị cáo từ 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho các bị cáo 09 (Chín) ngày tạm giữ (từ ngày 25/9/2025 đến ngày 05/10/2025), quy đổi bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Các bị cáo còn phải chấp hành từ 14 (Mười bốn) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ đến 17 (Mười bảy) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2 từ 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp nên cần chấp nhận.

Các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

[7]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.*" Xét thấy, các bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, đều sinh sống cùng gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[8]. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với số tiền: 37.942.000 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng) các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sử dụng vào việc đánh bạc trái phép cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO NANOMAC của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen của bị cáo Nguyễn Thị P;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note9 của bị cáo Nguyễn Thị Kim T1;

+ 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, màu hồng đã qua sử dụng của bị cáo Trần Thị Minh L2;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16 của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S Plus của bị cáo Trần Văn H.

Các bị cáo đều sử dụng điện thoại trên để thực hiện hành vi đánh bạc, là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 11 kèm sim số 0986647977 của bị cáo Nguyễn Thị Kim T1, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với các sim số: 0365039682 của Trần Thị Minh L2, sim 0968183935 của Nguyễn Thị P, sim số 0382216444 và 0375853798 của Nguyễn Thị Ngọc L, sim số 0973700739 của Nguyễn Thị Kim T1, sim số 0383855281 của Nguyễn Thị Hồng T2, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy các thẻ sim trên.

- Đối với số tiền đánh bạc của bị cáo Trần Văn H là: 5.837.000 đồng, H chưa nộp lại nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[9]. Trong vụ án này, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị P có hành vi bán số lô, số đề cho người khác rồi tổng hợp lại để mua của Nguyễn Thị Ngọc L; L cũng có hành vi bán số lô, số đề cho L2, P và 03 người khác rồi tổng hợp lại để mua của Nguyễn Thị Kim T1 nhằm mục đích hưởng chênh lệch tiền điểm lô và % tiền đề, số tiền đánh bạc của L và T1 đều trên 20.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định, L2, P, L, T1 đều không có thoả thuận cũng không biết gì về việc đối phương mua số lô, số đề của người khác rồi chuyển lại cho mình để hưởng chênh lệch nên không có căn cứ để buộc tội đối với T1, L về tội Tổ chức đánh bạc mà chỉ đủ căn cứ xử lý về tội Đánh bạc.

[10]. Đối với Nguyễn Thị P1, Lê Doanh H5, Lê Đức Đ1, Hứa Văn T5, Dương Thị Y1, Nguyễn Thị Thanh X, Phùng Ngọc C, Nguyễn Thị Y2, Trần Văn T4, Nguyễn Thị H6, Nguyễn Xuân T7, Hoàng A và Lê Anh T9 thực hiện hành vi đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng. Bản thân các đối tượng này không có tiền án, tiền sự về tội Đánh bạc, G bạc hay tổ chức đánh bạc nên hành vi của các đối tượng không cấu thành tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P chuyển Công an xã H xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

[11]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Kim T1,

Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 phạm tội "Đánh bạc".

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn H.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 39 (Ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L cho UBND xã H, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T1.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 21 (Hai mươi mốt) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 42 (Bốn mươi hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 cho UBND phường Đ, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Đ, thành phố Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị P.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 09 (Chín) ngày tạm giữ (từ ngày 25/9/2025 đến ngày 05/10/2025), quy đổi bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 (Mười bảy) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Minh L2 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, trừ cho bị cáo 09 (Chín) ngày tạm giữ (từ ngày 25/9/2025 đến ngày 05/10/2025), quy đổi bằng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 14 (Mười bốn) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh P nhận được quyết định thi hành án.

Giao các các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 cho UBND xã H, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Các bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 37.942.000 đồng (Ba mươi bẩy triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng) các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sử dụng vào việc đánh bạc.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A13 đã qua sử dụng, điện thoại hết pin, không kiểm tra được tình trạng bên trong và thông tin máy và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO NANOMAC, đã qua sử dụng, điện thoại hết pin, không kiểm tra được tình trạng bên trong và thông tin máy của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu đen, đã qua sử dụng, điện thoại hết pin, không kiểm tra được tình trạng bên trong và thông tin máy của bị cáo Nguyễn Thị P;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note9, đã qua sử dụng, điện thoại hết pin, không kiểm tra được tình trạng bên trong và thông tin máy của bị cáo Nguyễn Thị Kim T1;

+ 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, màu hồng đã qua sử dụng, điện thoại hết pin, không kiểm tra được tình trạng bên trong và thông tin máy của bị cáo Trần Thị Minh L2;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A16, đã qua sử dụng, điện thoại hết pin, không kiểm tra được tình trạng bên trong và thông tin máy của bị cáo Nguyễn Thị Hồng T2;

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6S Plus, đã qua sử dụng, điện thoại hết pin, không kiểm tra được tình trạng bên trong và thông tin máy của bị cáo Trần Văn H.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Kim T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11, đã qua sử dụng, điện thoại hết pin, không kiểm tra được tình trạng bên trong và thông tin máy, kèm sim số 0986647977.

- Tịch thu tiêu hủy các thẻ sim gồm: sim số 0365039682 của bị cáo Trần Thị Minh L2; sim 0968183935 của Nguyễn Thị P; sim số 0382216444 và 0375853798 của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L; sim số 0973700739 của bị cáo Nguyễn Thị Kim T1, sim số 0383855281 của Nguyễn Thị Hồng T2.

(Theo quyết định chuyển vật chứng; Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 06/02/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Phú Thọ).

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền đánh bạc của bị cáo Trần Văn H là: 5.837.000 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Thị Ngọc L, Nguyễn Thị Kim T1, Nguyễn Thị P, Trần Thị Minh L2, Nguyễn Thị Hồng T2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật) đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND khu vực 5;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến